

Bản án số: 155/2020/HNGĐ - ST
Ngày 18-12-2020
“Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Vân
Cán bộ Tư pháp phường M, thành phố L
2. Bà Nguyễn Thị Trúc Linh
Cán bộ tỉnh Đoàn An Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 540/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo số: 375/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 386/2020/QĐST – HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyên đơn: Ông Trương Hỷ P, sinh năm 1968

Địa chỉ: Khu vực A, phường T, Quận N, thành phố Cần Thơ.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1979. Vắng mặt

Địa chỉ: Số 41/4A, khóm M (nay là khóm T), phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/8/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Trương Hỷ P trình bày:

Năm 2012, ông P và bà B quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, thành phố L ngày 24/7/2019, đây là hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, do bất đồng quan điểm sống, không còn thương yêu và tin tưởng nhau nên dẫn đến cự cãi. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên ông P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà B. Quá trình chung sống ông P và bà B có 02 con chung tên là Trương Lai H, sinh ngày 20/4/2013 và Trương Hiếu N, sinh ngày 11/02/2018, hiện ông P đang chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung. Sau khi ly hôn, ông P yêu cầu được đồng chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung: Cả hai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Phạm Thị B vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và lần thứ hai tại phiên tòa, không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai, không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Về nội dung vụ án: Nguyên đơn, bị đơn tự nguyện tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn là có cơ sở theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận; Về 02 con chung: tên

Trương Lai H, sinh ngày 20/4/2013 và Trương Hiếu N, sinh ngày 11/02/2018, hiện 02 con đang sống với nguyên đơn và nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi con. Do đó, để đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên đề nghị chấp nhận cho nguyên đơn được nuôi con chung theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung do nguyên đơn không cầu giải quyết nên đề nghị không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến của các đương sự tại bản tự khai, Tòa án nhận định:

Về thủ tục tố tụng

[1] Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đăng ký thường trú tại phường M, thành phố L nên nguyên đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại biên bản xác minh tình trạng cư trú, Công an phường M, thành phố L xác nhận: Bị đơn Phạm Thị B có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 41/4A, khóm M (nay là khóm T), phường M, thành phố L, tỉnh An Giang. Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn hợp lệ nhưng bị đơn đã từ chối các quyền, cũng như không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai, không lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung tranh chấp

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy bản sao trích lục kết hôn số 337/TLKH-BS ngày 24/7/2019 của Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang, điều này thể hiện giữa nguyên đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, phù

hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, quá trình chung sống, nguyên đơn cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, thiếu chia sẻ, cảm thông nhau trong cuộc sống vợ chồng nên bà B đi về nhà mẹ đẻ sống từ tháng 07/2020 cho đến nay và không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của ông P.

Xét thấy, trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tin tưởng nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa nguyên đơn, bị đơn đã có thời gian quen biết, tìm hiểu và tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc, không tin tưởng nhau trong đời sống vợ chồng. Quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn nhưng bị đơn không quan tâm, không có ý kiến và từ bỏ quyền, nghĩa vụ của bị đơn, không trực tiếp đến Tòa để tham gia hòa giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân với nguyên đơn, điều này thể hiện tình cảm vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, xét về tình nghĩa vợ chồng thì cả hai đã không sống chung với nhau nên không còn nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Trương Lai H, sinh ngày 20/4/2013 và Trương Hiếu N, sinh ngày 11/02/2018. Con chung đang được nguyên đơn chăm sóc, nuôi dưỡng.

Nguyên đơn yêu cầu được nuôi 02 con nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối. Do đó, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học hành cho con chung cũng như xem xét điều kiện, hoàn cảnh của nguyên đơn và nguyện vọng của cháu Trương Lai H theo biên bản lấy lời khai ngày 27/10/2020, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nguyên đơn cùng các thành viên gia đình của nguyên đơn không được cản trở bị đơn trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định tại Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con, do nguyên đơn không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về nợ chung: Không có

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 19; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Hỷ P đối với bị đơn Phạm Thị B.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Hỷ P được ly hôn với bà Phạm Thị B.

[2] Về con chung: Ông Trương Hỷ P được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Trương Lai H, sinh ngày 20/4/2013 và Trương Hiếu N, sinh ngày 11/02/2018.

Ông P cùng các thành viên gia đình của ông P không được cản trở bà B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Ông P và bà B có quyền thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con theo quy định pháp luật.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà B không phải cấp dưỡng nuôi con, do ông P không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí

Nguyên đơn Trương Hỷ P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai thu số 00005521 ngày 01/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L. Nguyên đơn đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

(Giải thích điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A dân sự TP.L;
- VKSND TP.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường M, TP.L;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam